TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2018/DS-PT Ngày: 10-7-2018 V/v *"Đòi tài sản là quyền sử dụng đất"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lưu Ánh Nguyệt;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2016/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2017/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông **Nguyễn Bá P**, sinh năm: 1937 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P:

1.1 Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1937; Địa chỉ: Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

1.2 Ông **Nguyễn Bá T3**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện HT, tỉnh T.

1.3 Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 10, ấp Ninh Phú, xã BN, Huyện Ơ, tỉnh T.

1.4 Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện HT, tỉnh T.

1.5 Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ninh Phú, xã BN, Huyện Ơ, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dìa, ông Thiện, ông Nữa, bà Trang: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 10, ấp Ninh Phú, xã BN, Huyện Ơ, tỉnh T. Theo Giấy ủy quyền ngày 13/4/2017 (Có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1946; HKTT: Số 26, Đường R3, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T; Tạm trú tại: Số 59, hẻm 35, Đường NV, ấp TP, xã TR, huyện HT, tỉnh T (Có mặt).

3. Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1943; Địa chỉ: Ấp NT1, xã BN, Huyện Ơ, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Huy C**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp NT1, xã BN, Huyện Ơ, tỉnh T. Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018 (Có mặt).

*** Bị đơn**: Bà **Trần Ngọc P1**, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Số 24, Đường R3, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T (Có mặt).

Người đại diện theo quyền: Ông **Nguyễn Văn I**, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số 230, Đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố T1, tỉnh T (Có mặt).

* **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1948; Địa chỉ: Tổ 1, ấp Ninh Hưng 1, xã Z, Huyện Ơ, tỉnh T (Có mặt).

2. Ông **Nguyễn Bá R2**, sinh năm: 1926 (chết năm 1990).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông R2:

2.1 Bà **Trần Thị E**, sinh năm: 1933; Địa chỉ: Số 914 đường CM, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

2.2 Bà **Trần Lệ H**, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Số 3/37, Đường HTP, khu phố H4, phường H3, thành phố T1, tỉnh T.

2.3 Bà **Nguyễn Thị Ngọc U**, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số 22, hẻm 1, Đường R3, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

2.4 Bà **Nguyễn Lệ Y**, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số 86, hẻm 7, Đường HTP, khu phố H4, phường H3, thành phố T1, tỉnh T.

2.5 Bà **Nguyễn Thị U1**, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Số 914, đường CM, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

2.6 Bà **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Số 25, hẻm 26, đường CM, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

2.7 Ông **Nguyễn Bá N1**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số 914, đường CM, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

2.8 Bà **Nguyễn Ngọc Đ1**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số 51, hẻm 13, Đường HTP, khu phố H4, phường H3, thành phố T1, tỉnh T.

2.9 Bà **Nguyễn Ngọc O**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Số 403, tổ 25B, ấp Chánh, xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà E, bà H, bà U, bà U1, bà S, ông N1, bà Đ1, bà O: Bà **Nguyễn Lệ Y**, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số 86, hẻm 7, Đường HTP, khu phố H4, phường H3, thành phố T1, tỉnh T. Theo giấy ủy quyền ngày 26/10/2015 (Có mặt).

3. Anh **Phan Thanh L**, sinh năm 1984 (Có mặt).

4. Anh **Phan Thành H1**, sinh năm 1981 (Có mặt).

5. Anh **Phan Văn Đ2**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

6. Chị **Đỗ Thị Cẩm H2**, sinh năm 1981(Vắng mặt).

Tất cả cùng địa chỉ: Số 24, Đường R3, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T;

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Bá T3, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2015, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đồng nguyên đơn ông Nguyễn Bá P, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông P, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị G và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cụ Nguyễn Văn O1 và cụ Lâm Thị K có tất cả 5 người con gồm: Ông Nguyễn Bá P; bà Nguyễn Thị D1; bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Bá R2.

Ông R2 đã chết vào năm 1990. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông R2 bà Trần Thị E, bà Trần Lệ H, bà Nguyễn Thị Ngọc U, bà Nguyễn Lệ Y, bà Nguyễn Ngọc S, bà Nguyễn Thị U1, ông Nguyễn Bá N1, bà Nguyễn Ngọc Đ1, bà Nguyễn Ngọc O.

Ông P đã chết vào năm 2016. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông P là bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Bá T3, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị R.

Vào năm 1940, cụ O1, cụ K có mua của cụ Huỳnh Văn D2 phần đất diện tích 24.075 m^2 thuộc lô 61 tọa lạc tại xã Hiệp Ninh, huyện HT, tỉnh T (nay là Khu phố

1, Phường 4, thành phố T1, tỉnh T), việc mua bán trên được chính quyền chế độ cũ chứng thực, có họa đồ lô đất. Sau khi mua đất thì cụ O1, cụ K sử dụng trồng lạc và một số cây dừa ép dầu. Do hoàn cảnh chiến tranh đến năm 1945 – 1946 thì có một số người (trong đó có cụ Nguyễn Văn U1 là ông ngoại bà P1) từ nhiều nơi về xin cho ở nhờ trên đất để lánh nạn, việc cho mượn đất ở nhờ chỉ nói miệng không có giấy tờ chỉ hứa hẹn khi nào yên ổn thì sẽ trở về xứ sở và trả lại đất. Mặc dù cho mượn đất nhưng cụ O1, cụ K vẫn đóng thuế cho toàn bộ phần đất từ năm 1940-1978. Từ năm 1978 do có tranh chấp cho đến nay nên chưa đóng thuế. Sau giải phóng, thì cụ O1, cụ K đã nhiều lần yêu cầu các hộ dân trả lại đất cho gia đình sử dụng nhưng các hộ dân này không đồng ý trả. Cụ K có gửi đơn đến chính quyền địa phương nhiều lần giải quyết nhưng chưa dứt điểm. Năm 1983 cụ O1 mất, năm 1992 cụ K mất. Các con của cụ O1, cụ K là ông P, bà G, bà D1tiếp tục khiếu nại tranh chấp đòi lại đất. Việc khiếu kiện đòi lại đất của các con cụ O1, cụ K là ông P, bà D1, bà G được UBND tỉnh T giải quyết nhiều lần. Ngày 07/5/2013, UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 816/QĐ-UB với nội dung tiếp tục thực hiện Quyết định số 41/QĐ-CT ngày 26/4/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh T "*Bác đơn khiếu nại của gia đình ông P, giao cho gia đình ông P1 nền đất mặt tiền đường Huỳnh Công Giản thuộc Khu phố 1, Phường IV, thị xã T3, tỉnh T, không thu tiền sử dụng đất*". Ông P, bà D1và bà G khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh T, tại bản án hành chính sơ thẩm số 10/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông P, bà D1và bà G. Các ông bà không đồng ý với bản án sơ thẩm và kháng cáo. Tại Bản án số: 01/2014/HC-PT của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định: Đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông P, có các loại giấy tờ tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai nên theo quy định tại Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 vụ việc tranh chấp nêu trên là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; việc UBND tỉnh T thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền; trên cơ sở đó bản án đã tuyên hủy toàn bộ Quyết định số: 816/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh T; kiến nghị UBND tỉnh T hướng dẫn cho đương sự khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Cụ Nguyễn Văn U1 mượn đất ở từ năm 1945, khi cụ U1 chết thì con là ông Nguyễn Công L1 sử dụng, cất nhà ở trên đất. Ông L1 tiếp tục sử dụng sau đó chuyển đi nơi khác nên giao lại cho gia đình bà P1 tiếp tục ở trên đất cho đến nay. Năm 2001, bà D1lấy lại 01 phần đất diện tích 284,41m^2 để xây nhà ở. Ngày 05/01/2005, vợ chồng bà D1, ông A được UBND thị xã T3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 156597 thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 28. Ngày 26/01/2005, bà D1, ông A chuyển nhượng cho ông Hồ Văn O2, bà Phạm Thị I1

diện tích 122m^2. Ngày 25/3/2005, ông O2, bà I1 được UBND thị xã T3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 199243 thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 28. Năm 2006, bà D1vay tiền của ông Lê Việt V nên có làm hợp đồng chuyển nhượng hình thức phần đất còn lại cho ông V. Tuy nhiên năm 2006, ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông V có nợ tiền của người khác nên phần đất trên bị phát mãi bán đấu giá. Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu buộc bà Trần Ngọc P1 giao trả lại quyền sử dụng đất diện tích thực tế đang sử dụng là 443,625 m^2, có tứ cận: Đông giáp Đường R3, dài 16,3 m; Tây giáp đất ông 6 Điền dài 11 m; Bắc giáp con đường đất 4m dài 32,90 m; Nam giáp đất của bà D1(bán cho bà I1, ông O2) dài 32,10 m, đất thuộc thửa số 688, tờ bản đồ số 1b, tọa lạc tại Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

Bị đơn bà Trần Ngọc P1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất trước đây do ông ngoại bà là cụ Nguyễn Văn U1, khai phá (đất rừng) ở từ năm 1945 và cậu bà là ông Nguyễn Công L1 sử dụng, cất nhà ở trên đất. Năm 1977, cụ U1 chết, ông L1 tiếp tục sử dụng đến năm 1981 chuyển đi nơi khác nên giao lại cho gia đình bà tiếp tục ở trên đất từ đó đến nay (ông L1 đã chết). Quá trình sử dụng đất bà đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ.

Năm 1980, cụ K là mẹ ông P, bà G và bà D1có khiếu nại 8 hộ dân trong đó có hộ gia đình bà. Sau khi cụ K chết các con cụ K là ông P, bà G và bà D1tiếp tục khiếu nại đến các cấp chính quyền. Quá trình giải quyết, ngày 24/8/2001 bà được UBND huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 627 m^2. Ông P, bà G, bà D1tiếp tục khiếu nại đến ngày 26/4/2001, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số: 41/QĐ-CT bác đơn khiếu của ông Pvà đến ngày 07/5/2013 ban hành Quyết định số: 816/QĐ-UBND tiếp tục thực hiện Quyết định số: 41/QĐ-CT ngày 26/4/2001 Chủ tịch UBND tỉnh *"Bác đơn khiếu nại của gia đình ông Nguyễn Bá P, giữ nguyên cho các hộ được tiếp tục sử dụng, không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các hộ dân không phải trả lại thành quả lao động cho gia đình ông P"*.

Từ năm 1981 đến nay gia đình bà đã ở trên đất, có hộ khẩu thường trú tại đây và đóng thuế nhà đất đầy đủ; hiện đang sử dụng diện tích là 443,625 m^2, có tứ cận: Đông giáp Đường R3 16,3 m; Tây giáp đất ông 6 Điền dài 11 m; Bắc giáp con đường đất 4m dài 32,90 m; Nam giáp đất của bà D1(nay đã bán cho bà I1, ông O2) dài 32,10 m; trên đất có một căn nhà diện tích ngang 4,5 m dài 7,2 m, nhà vách tole, mái lợp tole, cột gỗ, trên đất có trồng 2 cây dừa. Nay bà không đồng ý giao trả

lại cho anh em ông P phần đất theo yêu cầu của anh em ông P vì nguồn gốc đất trên là do ông ngoại để lại cho bà sống đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, Trần Thị E, Trần Lệ H, Nguyễn Thị Ngọc U, Nguyễn Thị Lệ Thủy, Nguyễn Thị U1, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc Đ1, Nguyễn Ngọc O và ông Nguyễn Bá N1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Bá P, người kế thừa quyền và nghĩa vụ vủa ông P, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị G và người đại diện theo ủy quyền. Nay yêu cầu buộc bà Trần Ngọc P1 giao trả lại quyền sử dụng đất diện tích 443,625 m^2, có tứ cận: Đông giáp Đường R3, dài 16,3 m; Tây giáp đất ông 6 Điền dài 11 m; Bắc giáp con đường đất 4 m dài 32,90 m; Nam giáp đất của bà D1(bán cho bà I1, ông O2) dài 32,10 m, đất thuộc thửa số 688, tờ bản đồ số 1b, tọa lạc tại Khu phố 1, Phường IV, thành phố T1, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thành L, Phan Thành H1, Phan Văn Đ2 và chị Đỗ Thị Cẩm H2 trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của bà P1, nguồn gốc đất do ông bà để lại cho gia đình bà P1 sinh sống, ở trên đất từ năm 1981; không đồng ý trả lại phần đất cho anh em ông P, bà G và bà D1vì nguồn gốc đất trên là do cụ U1 khai khẩn để lại cho mẹ là Trần Ngọc P1 và gia đình sống từ đó đến nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2016/DSST ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T đã quyết định:

Áp dụng Điều 247, 688 của Bộ luật Dân sự. Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Bá P, ông Nguyễn Bá R2, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Trần Ngọc P1 trả lại phần đất diện tích 443,625 m^2 thuộc thửa 688, tờ bản đồ 1b; số vào sổ 05146/QSDĐ/100/QĐ-UB ngày 24/8/2001 có tứ cận: Đông giáp Đường R3, dài 16,3 m; Tây giáp đất ông 6 Điền dài 11 m; Bắc giáp con đường đất 4 m dài 32,90 m; Nam giáp đất của bà D1(bán cho bà I1, ông O2) dài 32,10 m, thuộc thửa số 688, tờ bản đồ số 1b, tọa lạc tại Khu phố 1, Phường 4, thành phố T1, tỉnh T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2016, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Bá T3

kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý trả lại đất vì đất này là do ông bà khai phá, sử dụng ổn định, lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn Đ2 và chị Đỗ Thị Cẩm H2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ2 và chị H2.

[2] Ngày 20/9/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 1980/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Bá P tranh chấp đất với 08 hộ dân ngụ tại Khu phố 1, Phường 4, thị xã T3 (nay là Thành phố T1).

[3] Ngày 07/5/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 816/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của anh em ông Nguyễn Bá P ngụ tại Khu phố 1, Phường 4, thị xã T3 (nay là Thành phố T1).

Nội dung quyết định: Thu hồi quyết định số 24/QĐ-UB ngày 07/02/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Điều chỉnh quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 20/9/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T như sau: Tiếp tục thực hiện quyết định số 41/QĐ-CT ngày 26/4/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, bác đơn khiếu nại của gia đình ông P, giữ nguyên cho các hộ được tiếp tục sử dụng, không thu hồi giấy CNQSDĐ; các hộ dân không phải trả thành quả lao động cho gia đình ông P.

Giao UBND thị xã T3 (nay là thành phố T1) ban hành quyết định giao cho gia đình ông Nguyễn Bá P một nền đất mặt tiền Đường Huỳnh Công Giản thuộc Khu phố 1, Phường 4, thị xã T3.

[4] Không đồng ý với quyết định 1980/QĐ-UBND ngày 20/9/2007 và quyết định 816/QĐ-UB ngày 07/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị D1 khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần quyết định số 816/QĐ-UB ngày 07/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (Riêng phần quyết định giao cho ông bà một nền đất mặt tiền Đường Huỳnh Công Giản thì xin giữ lại).

- Hủy một phần quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 20/9/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, chỉ giữ lại khoản 2 Điều 1 của quyết định này.

[5] Tại bản án số 10/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị D1 về yêu cầu hủy bỏ quyết định số 816/QĐ-UB ngày 07/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

[6] Không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị D1 và bà Nguyễn Thị G làm đơn kháng cáo.

[7] Tại bản án số 01/2014/HC-PT ngày 02/01/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh) tuyên xử sửa án sơ thẩm, hủy toàn bộ quyết định số 816/QĐ-UB ngày 07/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Bản án phúc thẩm nhận định: "...Căn cứ vào quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50, Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất nêu trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân vì những người thừa kế của ông Nguyễn Văn O1và bà Lâm Thị K (Cha mẹ ông P, bà D1, bà G) có đầy đủ giấy tờ, bằng khoán của chế độ cũ về nguồn gốc đất, quyền sử dụng đất, có tên trong sổ địa chính và không bị nhà nước quản lý thu hồi đất... và hướng dẫn cho các đương sự khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật".

[8] Theo nhận định của bản án phúc thẩm số 01/2014/HC-PT ngày 02/01/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông P, bà D1, bà G làm đơn khởi kiện tranh chấp "Đòi tài sản là quyền sử dụng đất" đối với các hộ ở trên đất và Tòa án nhân dân thành phố T1 thụ lý giải quyết. Ngày 06/12/2016, Tòa án nhân dân thành phố T1 đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại bản án

số 05/2016/DS-ST ngày 06/12/2016 Tòa án nhân dân thành phố T1 tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà D1, bà G.

[9] Bà D1, bà G và các con của ông P có đơn kháng cáo ngày 19/12/2016 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 29/6/2017 Tòa án nhân dân tối cao có quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 06/2017/KN-HC đối với bản án hành chính phúc thẩm số 01/2014/HC-PT ngày 02/01/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

[11] Tại quyết định giám đốc thẩm số 01/2018/HC-GĐT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, đã hủy bản án hành chính phúc thẩm số 01/2014/HC-PT ngày 02/01/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 10/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

[12] Như vậy, bản án hành chính sơ thẩm số 10/2013/HC-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh T có hiệu lực pháp luật và quyết định số 816/QĐ-UB ngày 07/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T có hiệu lực pháp luật.

[13] Tại điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Tòa án trả lại đơn khởi kiện khi: "Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền". Xét thấy, sự việc đã được giải quyết bằng quyết định giám đốc thẩm số 01/2018/HC-GĐT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao đây là quyết định có hiệu lực pháp luật; việc Tòa án nhân dân thành phố T1 thụ lý giải quyết vụ án dân sự là không đúng thẩm quyền nên cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[14] Do hủy bản án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1, khoản 3 Điều 217; Điều 218; khoản 4 Điều 308; Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2016/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T và đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số: 08/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh T về tranh chấp "Đòi tài sản là quyền sử dụng đất"giữa nguyên đơn: ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị D1 và bà Nguyễn Thị G với bị đơn: bà Trần Ngọc P1.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu, hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Bá P, bà D1và bà G số tiền tạm ứng án phí 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001565 ngày 07/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh T.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu, hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Bá P, bà D1và bà G số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003573 ngày 26/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh T.

2.3. Chi phí đo đạc, định giá: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P, bà D1và bà G, bà Lợi phải chịu tiền chi phí đo đạc, định giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), ghi nhận đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh TN;
-TAND tpTN;
-Chi cục THADS tpTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tòng